TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2020/HS-ST
Ngày: 18-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Phúc Nguyên

2/ Bà Nguyễn Thị Nguyên

Thư ký phiên toà: Bà Châu Nguyễn Thanh Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Hòa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hình sự thụ lý số 164/2020/TLST - HS ngày 31/8/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2020QĐXXST – HS ngày 08/9/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn T**; giới tính: Nam; sinh năm 1963; nơi sinh: Sài Gòn; nơi ĐKHKTT: Không nơi đăng ký hộ khẩu thường trú; chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Không; họ tên cha: Trần Văn Đ (Chết); họ tên mẹ: Lý Thị L (Chết); hoàn cảnh gia đình: Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án:

Ngày 08/12/1992, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", theo Bản án số 920/HSST.

Ngày 13/01/1996, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân".

Ngày 06/11/1998, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", theo Bản án số 2250/HSST.

Ngày 20/5/2003, bị Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", theo Bản án số 34/HSST.

Ngày 30/8/2011, bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", xử phạt 36 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản của công dân", theo Bản án số 242/2011/HSST.

Ngày 30/6/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản", theo Bản án số 74/2016/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/3/2020.

Nhân thân:

Ngày 13/8/1997, bị Công an Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành vi "Trộm cắp tài sản của công dân", ngày 24/8/1997, được trả tự do.

Ngày 12/6/1978, bị Công an Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành "Trộm cắp tài sản của công dân", sau đó trả tự do.

Ngày 15/01/1985, bị Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành "Trộm cắp tài sản của công dân", sau đó trả tự do.

Ngày 07/6/1986, bị Công an Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành "Trộm cắp tài sản của công dân", sau đó trả tự do.

Ngày 03/02/1988, bị Công an quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành "Trộm cắp tài sản của công dân", sau đó trả tự do.

Ngày 19/12/1990, bị huyện Hoc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành "Trộm cắp tài sản của công dân", sau đó trả tự do

Ngày 20/6/1990, bị Công an Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành "Trộm cắp tài sản của công dân", đến ngày 25/6/1990 đưa đi cưỡng bức lao động 12 tháng.

Ngày 04/12/1991, bị Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành "Trộm cắp tài sản của công dân", đến ngày 18/01/1991 đưa đi cưỡng bức lao động 12 tháng.

Ngày 15/12/1991, bị Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bắt về hành "Trộm cắp tài sản của công dân" và đưa đi cưỡng bức lao động 12 tháng.

Tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 06/5/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: 213B Lưu Hữu Phước, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do hết tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 06/5/2020, T đi bộ đến khu vực đường Quốc lộ 50, ấp 2, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh thì phát hiện ông Nguyễn Văn N đang bán trái cây ven đường, trên mâm trái cây có để 01 bịch nylon đựng tiền. Lúc này, T giả vờ đến hỏi mua trái cây, lợi dụng lúc ông N đang bán trái cây cho người khác nên T đã lén lút dùng tay trái lấy một xấp tiền tổng cộng là 7.000.000 đồng trong bịch nylon nhét vào túi quần bên trái đang mặc thì bị ông N phát hiện bắt giữ T cùng tang vật giao Công an xã Phong Phú lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Công an xã tiếp nhận đối tượng cùng vật chứng, lập hồ sơ ban đầu chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Về vật chứng:

- Số tiền 7.000.000 đồng (gồm: 11 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 16 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng). Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã giao trả cho ông Nguyễn Văn N vào ngày 12/5/2020.

- 01 USB ghi nhận hình ảnh Trần Văn T thực hiện hành vi trộm cắp (vật chứng lưu giữ cùng hồ sơ vụ án)

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh thì Trần Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 149/CT - VKS ngày 24 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình giống như lời khai tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Lời nói sau cùng bị cáo phát biểu ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố sau khi nêu tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất của vụ án những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị: Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 05 năm đến 06 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b, g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị hại Nguyễn Văn N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, bị cáo trình bày lời khai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn T tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra (BL: 55- 68); phù hợp với lời khai của bị hại ông Nguyễn Văn N tại Cơ quan điều tra (BL: 49 – 54); phù hợp với các chứng cứ, tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án; Vụ án còn được chứng minh qua hoạt động điều tra như biên bản lấy lời khai, Bản ảnh hiện trường, thu giữ vật chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang…cùng các chứng cứ tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 06/5/2020, bị cáo Trần Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 7.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn N đang để trong mâm, trên xe bán trái cây tại khu vực Quốc lộ 50 thuộc tổ 10, ấp 2, xã Phong Phú, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị phát hiện bắt quả tang.

Với những tình tiết được chứng minh trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); nên Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân

huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo với tội danh nêu trên là đúng người, đúng tội.

[3] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích phạm tội là muốn có tiền tiêu xài và mua ma tuý sử dụng cho bản thân. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc làm của mình là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bản tính tham lam, biếng lười lao động nên bị cáo cố ý phạm tội. Tội phạm bị cáo thực hiện là nguy hại cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội, tạo tâm lý hoang mang cho nhân dân. Do đó, khi lượng hình cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo:

Tính đến ngày phạm tội bị cáo có 06 tiền án chưa được xóa án tích (về nhóm tội xâm phạm sở hữu), bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, cần áp dụng điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo là phù hợp.

Ngoài ra, bị cáo không có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, không nơi cư trú nhất định, không có nghề nghiệp, từng bị kết án nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản, nhân thân rất xấu nhiều lần đưa đi cưỡng bức lao động về hành vi trộm cắp; bị cáo lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính nuôi bản thân nên lần phạm tội này của bị cáo ngoài tình tiết định khung hình phạt là tái phạm nguy hiểm thì cần áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xét xử bị cáo và cần có mức án nghiêm đối với bị cáo là thoả đáng.

[5] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần cân nhắc đến các tình tiết bị cáo thành khẩn khai báo và đã tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, tài sản chiếm đoạt đã kịp thời thu hồi trả cho bị hại, thiệt hại chưa xảy ra. Xét các tình tiết giảm nhẹ nêu trên để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt được quy định tại các điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[6] Vật chứng của vụ án:

Đối với số tiền 7.000.000 đồng (gồm: 11 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 03 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 01 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 16 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã giao trả cho bị hại ông Nguyễn Văn N theo Biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu được lập vào hồi 10 giờ 50 phút ngày 12/5/2020 (BL: 96). Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 USB ghi nhận hình ảnh Trần Văn T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tiếp tục bảo lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về dân sự: Bị hại Nguyễn Văn N đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điểm b, g Khoản 2 Điều 173; điểm h, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 06 (sáu) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày 06/5/2020.

Về vật chứng: Bảo lưu hồ sơ vụ án 01 USB ghi nhận hình ảnh Trần Văn T thực hiện hành vi trộm cắp (vật chứng này đang lưu hồ sơ).

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu số tiền 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TPHCM;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Chi cục thi hành án DS H. Bình Chánh;
- Sở Tư pháp, Tp.HCM;
- Công an PC53;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Sơn